

Số: 114/2020/QĐST-HNGĐ

Vũng Tàu, ngày 24 tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 383/2020/TLST-VHNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

1. Ông Võ Đình Nguyên K, sinh năm 1981

Hộ khẩu thường trú: Thôn 4, xã N, huyện N, tỉnh Khánh Hòa.

Địa chỉ hiện nay: 714/21 đường 30/4, Phường M, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

2. Bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1982

Hộ khẩu thường trú: 19/3 đường Đ, Phường H, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Địa chỉ hiện nay: 714/21 đường 30/4, Phường M, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Đình Nguyên K và bà Phạm Thị Đ thỏa thuận thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Ông Võ Đình Nguyên K và bà Phạm Thị Đ xác nhận có 01 con chung là cháu Võ Khang Tuấn K, sinh ngày 02-01-2013. Trên cơ sở thỏa thuận của ông K và bà Đ, phù hợp với nguyện vọng của cháu K: Bà Đ sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu K, ông K sẽ cấp dưỡng cho con mỗi tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

[3]. Về tài sản chung: Ông K và bà Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4]. Về nợ chung: Ông K và bà Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5]. Về Lệ phí Tòa án: Ông K và bà Đ mỗi người phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình là 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) theo quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Đình Nguyên K và bà Phạm Thị Đ thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Võ Đình Nguyên K và bà Phạm Thị Đ có 01 con chung là cháu Võ Khang Tuấn K, sinh ngày 02-01-2013. Trên cơ sở thỏa thuận của ông K và bà Đ, phù hợp với nguyện vọng của cháu K: Bà Đ sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu K, ông K sẽ cấp dưỡng cho con mỗi tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng) cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Ông K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thực hiện xong nghĩa vụ thì bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 đối với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2. Về Lệ phí Tòa án: Ông Võ Đình Nguyên K và bà Phạm Thị Đ mỗi người phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001721 và Biên lai thu tiền số 0001722 cùng ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V. Ông K và bà Đ đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP.V;
- Chi cục THADS TP.Vũng Tàu;
- TAND tỉnh BR-VT;
- UBND Phường H, TP. V,
tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trịnh Thị Thường